

KẾ HOẠCH
Nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Khánh Hòa năm 2023

Theo Báo cáo Chỉ số đánh giá chuyên đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh Khánh Hòa xếp vị trí 41/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (giảm 11 bậc so với năm 2021). Xếp hạng chính quyền số: 44/63 tỉnh, thành phố (giảm 10 bậc so với năm 2021); xếp hạng kinh tế số: 30/63 tỉnh, thành phố (tăng 02 bậc so với năm 2021) và xếp hạng xã hội số: 36/63 tỉnh, thành phố (giảm 03 bậc so với năm 2021). Chỉ số DTI tỉnh Khánh Hòa năm 2022 thuộc nhóm thấp của các tỉnh, thành phố.

Để khắc phục những hạn chế và tạo chuyển biến tích cực trong công tác chuyển đổi số của tỉnh, nâng cao xếp hạng về Chỉ số DTI, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện nâng cao Chỉ số DTI tỉnh năm 2023 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Nâng cao Chỉ số DTI hàng năm của tỉnh, khắc phục những hạn chế, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, hiệu quả, phù hợp, để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng và theo dõi, đánh giá Chỉ số DTI năm 2023 của tỉnh theo đúng yêu cầu tại Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Yêu cầu

- Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tăng cường công tác phối hợp, cung cấp thông tin kịp thời liên quan đến chuyển đổi số; bố trí nguồn lực hợp lý, xác định những công việc cấp bách, thiết yếu để tập trung ưu tiên thực hiện nhằm góp phần trong việc nâng cao Chỉ số DTI của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể về chuyển đổi số năm 2023, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ hướng dẫn, chủ trì thực hiện các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm về kết quả các Chỉ số

thành phần thuộc lĩnh vực phụ trách.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Nhóm Nhận thức số

- Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Triển khai mở, phát sóng chuyên mục riêng về chuyển đổi số trên báo, đài phát thanh và truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở.

2. Nhóm Thể chế số

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm nhằm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số theo quy định.

- Nghiên cứu tham mưu UBND tỉnh ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

3. Nhóm Hạ tầng số

- Triển khai thực hiện mục tiêu đến năm 2023, tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh đạt 80%; tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 90%.

- Triển khai nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, kết nối nền tảng điện toán đám mây Chính phủ.

- Tăng cường, triển khai, thúc đẩy sử dụng các nền tảng số trên địa bàn tỉnh; ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số được triển khai trên địa bàn tỉnh.

4. Nhóm Nhân lực số

- Tăng cường hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 6863/KH-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức; phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị.

- Nghiên cứu đề xuất, khuyến khích các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học trên địa bàn tỉnh tham gia đào tạo về chuyển đổi số; chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn toàn tỉnh tăng cường thực hiện chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người lao động,

phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch cho người dân.

5. Nhóm An toàn thông tin mạng

- Hàng năm xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ, ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng; đề xuất, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin tương ứng đối với các hệ thống thông tin mới theo quy định.

- Theo dõi, triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 04 lớp; bảo đảm hệ thống được kết nối, chia sẻ giám sát, chia sẻ thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Thực hiện nghiêm túc việc báo cáo xử lý, loại bỏ mã độc, xử lý sự cố đột xuất và định kỳ theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Ưu tiên phân bổ kinh phí hàng năm cho công tác bảo đảm an toàn thông tin; công tác kiểm tra, đánh giá, diễn tập, ứng cứu sự cố an toàn thông tin; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức an toàn thông tin.

6. Nhóm Hoạt động chính quyền số

- Triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6 theo Kế hoạch số 4384/KH-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh, trong đó ưu tiên thực hiện việc chuyển đổi IPv6 đối với Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Triển khai Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh để chia sẻ, cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp theo quy định.

- Triển khai việc nâng cấp hệ thống dịch vụ công trực tuyến phù hợp với yêu cầu kết nối chia sẻ dữ liệu và đáp ứng đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên các kênh số khác ngoài Cổng thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến; bổ sung những tính năng cá thể hóa cách tiếp cận dịch vụ; cá thể hóa thực hiện dịch vụ và cá thể hóa về trả kết quả dịch vụ để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Tăng cường, quyết liệt tập trung chỉ đạo để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, bảo đảm năm 2023 tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 90%; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.

- Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý, triển khai kết nối, sử dụng dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Nghiên cứu đề xuất, lựa chọn triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước đảm bảo thiết thực, hiệu quả; nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp. Triển khai rà soát, đánh giá, báo cáo mức độ ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số.

- Ưu tiên bố trí đủ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số theo Nghị quyết số 16/NQ-TU ngày 19/10/2021 của Tỉnh ủy Khánh Hòa.

7. Nhóm Hoạt động kinh tế số

- Tăng cường triển khai tổ chức các hội nghị chuyên đề về kinh tế số, chuyển đổi số cho doanh nghiệp; xây dựng doanh nghiệp mẫu, doanh nghiệp tiên phong về chuyển đổi số; triển khai Nghị quyết, Kế hoạch về chuyển đổi số, Kinh tế số cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách để thu hút các doanh nghiệp công nghệ số (doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin), doanh nghiệp nền tảng số đầu tư tại tỉnh.

- Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx, sử dụng nền tảng số; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 50%.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử, nộp thuế điện tử; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%;

- Triển khai nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart; bảo đảm mục tiêu năm 2023 tỷ lệ giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart/Tổng số lượng bưu gửi chuyển phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn đạt 05%.

8. Nhóm Hoạt động xã hội số

- Tăng cường công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện việc cấp danh tính số tài khoản định danh điện tử cho người dân trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Tập trung triển khai hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 (*Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021*).

- Tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích người dân trong độ tuổi trưởng thành đăng ký sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân để thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch điện tử (trước mắt là trong việc thực hiện thủ tục hành chính).

- Phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động, mục tiêu năm 2023 đạt 50%; triển khai xây dựng ứng dụng Công dân số, tích hợp các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước để thuận tiện cho người dân được tham gia

vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền.

III. PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ DTI CẤP TỈNH

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao phụ trách theo dõi, đánh giá các Chỉ số DTI, gồm:

- Các Sở: Thông tin và Truyền thông; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Tài chính; Công Thương; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn phòng UBND tỉnh.;

- UBND cấp huyện: Thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh, huyện Vạn Ninh, huyện Cam Lâm, huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh;

- Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh.

- Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Khánh Hòa, Bưu điện tỉnh Khánh Hòa, Viettel Khánh Hòa; các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; lãnh đạo Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Khánh Hòa, Bưu điện tỉnh Khánh Hòa, Viettel Khánh Hòa, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh:

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng ban hành Kế hoạch thực hiện chi tiết, đề ra biện pháp cụ thể để nâng cao các chỉ số được giao chủ trì, trong đó nêu rõ những đơn vị có liên quan và trách nhiệm phối hợp thực hiện để cải thiện Chỉ số thành phần được giao trong Kế hoạch này (đối với các đơn vị được giao chủ trì có số lượng chỉ tiêu thấp, lồng ghép thực hiện trong các kế hoạch liên quan của đơn vị).

- Đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan phối hợp trong các chỉ tiêu được giao; thực hiện báo cáo, cung cấp đầy đủ số liệu (bao gồm các văn bản, tài liệu kiểm chứng phù hợp) liên quan tới các Chỉ số thành phần được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch này, định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, UBND tỉnh. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về mục tiêu và các Chỉ số chính/Chỉ số thành phần được giao chủ trì.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan được giao nhiệm vụ phối hợp có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do đơn vị chủ trì yêu cầu phối hợp và thực hiện chế độ báo cáo. Chịu trách nhiệm về mục tiêu, kết quả thực hiện các Chỉ số thành phần được giao phối hợp.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Thực hiện thu thập, tổng hợp số liệu chung các chỉ số của Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh; định kỳ hàng năm (trước ngày 30/12) báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá DTI hàng năm do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố và báo cáo của các đơn vị được giao nhiệm vụ trong Kế hoạch này, chủ động tổng hợp báo cáo phân tích, đánh giá chỉ số DTI của tỉnh. Đồng thời, đề xuất với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện và đề xuất giải pháp thực hiện cho năm tiếp theo.

3. Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa, Cổng Thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và quần chúng nhân dân; tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc nâng cao chỉ số chuyển đổi số nói riêng và việc chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nói chung.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để được hướng dẫn, tổng hợp, xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT (đề b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, ĐL, LH, TNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thiệu

Phụ lục
PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH THEO DỒI, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ DTI
CẤP TỈNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1252/KH-UBND ngày 30 / 10 /2023 của
UBND tỉnh)

I. THÔNG TIN CHUNG

Stt	Thông tin chung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tên Tỉnh, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Địa chỉ liên hệ chính thức	Sở Thông tin và Truyền thông	
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức	Sở Thông tin và Truyền thông	
4	Số lượng dân số	Cục Thống kê	
5	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Cục Thống kê	
6	Số lượng hộ gia đình	Cục Thống kê	
7	Số lượng huyện và tương đương	Sở Nội vụ	
8	Số lượng xã và tương đương	Sở Nội vụ	
9	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Sở Nội vụ	
10	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc	Sở Nội vụ	
11	Số lượng công chức	Sở Nội vụ	
12	Số lượng viên chức	Sở Nội vụ	
13	Số lượng máy chủ vật lý	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
14	Số lượng máy trạm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
15	Số lượng hệ thống thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
16	Số lượng doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
17	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
18	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	Bưu điện tỉnh	
19	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
20	Số lượng thủ tục hành chính	Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công)	

II. CÁC CHỈ TIÊU ĐÃ ĐẠT ĐIỂM TỐI ĐA NĂM 2022, CẦN TIẾP TỤC DUY TRÌ THỰC HIỆN TỐT TRONG NĂM 2023

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
I	Nhận thức số				
1.	Người đứng đầu Tỉnh (Bí thư hoặc Chủ tịch Tỉnh) là Trưởng ban Ban chỉ đạo chuyển đổi số của Tỉnh	Có	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
2.	Có chuyên trang cấp tỉnh về chuyển đổi số có tần suất cập nhật trung bình 1 tuần/1 lần	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
3.	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số và số lượng tin, bài về chuyển đổi số trong năm đạt từ 20 bài trở lên	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
4.	Cơ quan báo chí của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo Khánh Hòa	
5.	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh có chuyên mục riêng về chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	
6.	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh có tần suất phát sóng chuyên mục về chuyển đổi số 1 tuần/1 lần	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	
7.	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về chuyển đổi số, tần suất 1 lần/1 tuần	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
II	Thể chế số				
8.	Nghị quyết chuyên đề hoặc văn bản tương đương của cấp ủy về chuyển đổi số của Tỉnh	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
9.	Kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh về chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
10.	Kế hoạch hành động hàng năm của Tỉnh về	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành;

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	chuyển đổi số		thông	thông	UBND cấp huyện
11.	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
12.	Ban hành văn bản định kỳ hàng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho chuyển đổi số	Có	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
13.	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho chuyển đổi số	Có	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
14.	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số	Có	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
15.	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng DVCTT	Có	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
16.	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Có	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
III	Hạ tầng số				
17.	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
18.	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
19.	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	Đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ TTTT tại Văn bản số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
IV	Nhân lực số				
20.	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
21.	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
22.	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
23.	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
24.	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	100%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
25.	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	100%	- Sở Thông tin và Truyền thông; - Sở Lao động Thương binh và Xã hội (hướng dẫn triển khai đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh)	Các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	
26.	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp huyện	
V	An toàn thông tin mạng				
27.	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành;	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt		thông	UBND cấp huyện	
28.	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	-	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
29.	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	-	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
30.	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	-	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VI	Hoạt động chính quyền số				
31.	Công thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
32.	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT và Cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT	Có	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
33.	Triển khai kênh số khác (ngoài Cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
34.	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
35.	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin (DVCTT được điền sẵn thông tin là những DVCTT được triển khai kết nối đến các CSDL và khai thác dữ liệu sẵn có để tự động điền thông tin vào biểu mẫu điện tử)	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
36.	Tỷ lệ tài khoản của	100%	Văn phòng	Các sở, ban,	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm		UBND tỉnh	ngành; UBND cấp huyện	
37.	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
38.	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VII	Kinh tế số				
39.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	100%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
40.	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	100%	Cục Thuế tỉnh	Cục Thuế tỉnh	
41.	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	
42.	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	$\geq 0,25\%$	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VIII	Xã hội số				
43.	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	$\geq 80\%$	Ngân hàng nhà nước tỉnh – Chi nhánh Khánh Hòa	UBND cấp huyện	

III. CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG CÓ ĐIỂM HOẶC CHƯA ĐẠT ĐIỂM TRONG NĂM 2022, CẦN ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2023

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
I	Nhận thức số				
1.	Bí thư/Chủ tịch tham gia tất cả các phiên họp của UBND tỉnh về Chuyển đổi số	Có	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
2.	Bí thư/Chủ tịch chủ trì tất cả các cuộc họp về CĐS của tỉnh	Có	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
3.	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về chuyển đổi số do người đứng đầu Tỉnh (Chủ tịch Tỉnh) ký	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
II	Thể chế số				
4.	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hàng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
5.	Ban hành chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện
III	Hạ tầng số				
6.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh/Tổng dân số của Tỉnh	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
7.	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình của Tỉnh	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
8.	Kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ	Có	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
9.	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung (<i>Danh mục nền tảng số theo yêu cầu</i>)				

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	1) <i>Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)</i>	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
	2) <i>Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung</i>	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
	3) <i>Nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước</i>	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
	4) <i>Nền tảng họp trực tuyến</i>	- Triển khai đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; - Triển khai đến từng thiết bị cá nhân	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
	5) <i>Nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước</i>	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	
	6) <i>Nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp</i>	Triển khai và có thể cá thể hóa theo nhu cầu của cá nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
	7) <i>Nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức</i>	Triển khai và có thể cá thể hóa theo nhu cầu của cá nhân	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	
10.	Số lượng nền tảng số triển khai tập trung trên Trung tâm dữ liệu	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
				tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ	
11.	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư	
IV	Nhân lực số				
12.	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số/Tổng số công chức + viên chức	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
13.	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng/Tổng số công chức + viên chức	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
14.	Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về chuyển đổi số	100%	Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	
15.	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về chuyển đổi số/Tổng số sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học	50%	Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh	
16.	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số/Tổng số người trong độ tuổi lao động	100%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông
17.	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng	Tính điểm theo phương pháp	Sở Thông tin và Truyền	UBND cấp huyện	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	số cơ bản trên Nền tảng OneTouch/Tổng dân số	Min-Max dựa vào tỷ lệ cao nhất thì điểm tối đa và giảm dần	thông		
V	An toàn thông tin mạng				
18.	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
19.	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
20.	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
21.	Số lượng hệ thống thông tin được SOC bảo vệ, triển khai giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với NCSC/Tổng số lượng hệ thống thông tin	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
22.	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành;	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017		thông	UBND cấp huyện	
23.	Số lượng các cuộc diễn tập ATTT mạng được triển khai	Chỉ tiêu này được tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều cuộc diễn tập theo quy định nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
24.	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào đơn vị nào nhiều sự cố nhất thì điểm tối đa và giảm dần	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
25.	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)				
	Kinh phí đầu tư từ NSNN cho ATTT	$\geq 10\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	Kinh phí thường xuyên từ NSNN chi cho ATTT	$\geq 10\%$	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VI	Hoạt động chính quyền số				
26.	Công thông tin điện tử chưa chuyển đổi sang công nghệ IPv6	- Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định; - Đã chuyển đổi sang công	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
		nghệ IPv6			
27.	Triển khai Công dữ liệu mở	- Có triển khai - Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
28.	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	- Hợp nhất Công Dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh tạo thành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, thành phố; - Đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Quyết định số 1033/QĐ-BTTTT ngày 13/6/2023); - Chuyển đổi sang công nghệ IPv6	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
29.	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
30.	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
31.	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh
32.	Tỷ lệ DVCTT phát	100%	Sở Thông tin	Các sở, ban,	Văn phòng

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	sinh hồ sơ trực tuyến		và Truyền thông	ngành; UBND cấp huyện	UBND tỉnh
33.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	$\geq 80\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh
34.	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn số 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
35.	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh, thành phố phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn số 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
36.	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn số 2224/BTTTT-THH	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	
37.	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp và cá thể hóa theo nhu cầu của cá nhân	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn số 2224/BTTTT-THH	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
38.	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	Đáp ứng yêu cầu theo Công văn số 2224/BTTTT-THH	Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	
39.	Số lượng hoạt động nghiệp vụ quản lý nhà nước có ứng dụng AI để phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung phục vụ quản lý, ra quyết định	10 nghiệp vụ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
40.	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính				

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	quyền số/Tổng chi ngân sách nhà nước (tỷ đồng)				
	Kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	$\geq 1\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	$\geq 1\%$	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VII	Hoạt động kinh tế số				
41.	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	$\geq 20\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; Cục Thống kê	
42.	Số doanh nghiệp công nghệ số (số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông – CNTT)/Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	$\geq 5\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
43.	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số/Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	$\geq 10\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
44.	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	$\geq 10\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành	
45.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số/ Tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn	$\geq 50\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông
46.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử/Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	$\geq 80\%$	Sở Công Thương	Sở Công Thương	
47.	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vô số và	$\geq 5\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh, Viettel Khánh Hòa	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
	Postmart/Tổng số lượng bưu gửi chuyển phát hàng hóa qua Bưu điện Việt Nam và Viettel Post tại địa bàn				
48.	Số lượng tên miền .vn/ Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn	Tỷ lệ của địa phương/tỷ lệ của địa phương cao nhất * điểm tối đa	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
49.	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số/Tổng chi ngân sách nhà nước trên địa bàn	$\geq 0,25\%$	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
VIII	Hoạt động xã hội số				
50.	Số lượng người dân có danh tính số; tài khoản định danh điện tử/Tổng dân số	100%	Công an tỉnh	UBND cấp huyện	
51.	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân/Tổng dân số từ 15 tuổi trở lên	$\geq 50\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh (phục vụ giải quyết TTHC cho người dân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính)
52.	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số/Tổng số hộ gia đình	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
53.	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông/Tổng dân số trong độ tuổi lao động	$\geq 70\%$	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện	
54.	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp	

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Yêu cầu thực hiện	Cơ quan hướng dẫn	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện
		vào tỷ lệ của tỉnh với tỉnh chi cao nhất		huyện	
55.	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	Tính điểm theo phương pháp Min-Max dựa vào tỷ lệ của tỉnh với tỉnh chi cao nhất	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
56.	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền				
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua App di động	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	• Tỷ lệ phản ánh được xử lý đúng hạn qua Kênh khác (sử dụng hình thức điện tử, nêu rõ loại kênh nếu có)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	• Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua App di động	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	• Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Tin nhắn trên các nền tảng liên lạc (Zalo, Messenger...)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	
	• Mức độ hài lòng với việc xử lý phản ánh qua Kênh khác (sử dụng hình thức điện tử, nêu rõ loại kênh nếu có)	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	